

VTD

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 236 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ
về rà soát văn bản quy phạm pháp luật**

| | |
|----------------------------------|-------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ | |
| ĐẾN | Giờ: ... C |
| | Ngày: 12/02/2020. |

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2019 và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Tổ công tác) cụ thể như sau:

1. Vị trí, chức năng:

a) Tổ công tác do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Tổ công tác có chức năng tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hành công tác rà soát pháp luật, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ được giao tại Quyết định này và nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Thành phần Tổ công tác:

a) Tổ trưởng Tổ công tác: Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Tổ phó thường trực Tổ công tác: Thứ trưởng Bộ Tư pháp;

c) Các Tổ phó Tổ công tác: Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);

d) Các thành viên Tổ công tác là đại diện lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ủy ban Dân tộc;

e) Mời đại diện lãnh đạo các cơ quan: Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

3. Tổ trưởng Tổ công tác căn cứ Quyết định này trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách thành viên Tổ công tác sau khi Quyết định này được ban hành.

4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Tổ trưởng Tổ công tác giao đơn vị thuộc Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ Bộ phận thường trực Tổ công tác; thành lập Tổ giúp việc Tổ công tác. Các Bộ, cơ quan liên quan cử từ 01 đến 02 đại diện là cán bộ có chuyên môn chuyên sâu, kinh nghiệm về công tác xây dựng, rà soát, hoàn thiện pháp luật tham gia Tổ giúp việc Tổ công tác.

Điều 2. Nhiệm vụ của Tổ công tác

1. Xây dựng, ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác, Kế hoạch hoạt động của Tổ công tác; thực hiện nhiệm vụ rà soát các quy định của pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển; kiến nghị sửa đổi, bổ sung để giải phóng nguồn lực tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2019 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2019 và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; có ý kiến độc lập về các Báo cáo kết quả rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ, Báo cáo của Chính phủ về rà soát văn bản thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước theo Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan liên quan thực hiện công tác rà soát vướng mắc, bất cập của hệ thống pháp luật; chủ động tổ chức rà soát độc lập, chuyên sâu theo nhóm văn bản quy phạm pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển; kịp thời kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp, chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác rà soát pháp luật theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Tổ công tác

1. Tổ công tác làm việc theo chế độ tập thể, kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân của Tổ trưởng, thành viên Tổ công tác trước Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định này và Quy chế hoạt động của Tổ công tác.

2. Bộ Tư pháp là cơ quan thường trực của Tổ công tác, giúp Tổ trưởng, Tổ công tác điều phối, triển khai hoạt động của Tổ công tác; bảo đảm các điều kiện làm việc của Tổ công tác.

3. Tổ công tác sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp.

4. Tổ công tác phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan; công khai, minh bạch, khách quan trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Trách nhiệm của thành viên Tổ công tác

1. Tổ trưởng Tổ công tác:

a) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Tổ công tác;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách thành viên Tổ công tác;

c) Ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác, Kế hoạch hoạt động của Tổ công tác; cử Bộ phận thường trực, thành lập Tổ giúp việc của Tổ công tác;

d) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, điều hành hoạt động của Tổ công tác, phân công nhiệm vụ cho các Tổ phó và các thành viên Tổ công tác;

chỉ đạo, điều hành hoạt động của Bộ phận thường trực và Tổ giúp việc Tổ công tác; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

đ) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Tổ công tác, chỉ đạo chuẩn bị nội dung, các vấn đề đưa ra thảo luận ở Tổ công tác, ký các văn bản của Tổ công tác;

e) Xử lý các đề xuất, kiến nghị của các thành viên Tổ công tác;

g) Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác; trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, bổ sung, thay đổi thành viên Tổ công tác (khi cần thiết); sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Tổ công tác; thay mặt Tổ công tác phát biểu ý kiến của Tổ công tác khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ phó Tổ công tác:

a) Thực hiện và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ do Tổ trưởng Tổ công tác phân công;

b) Chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Tổ công tác theo phân công của Tổ trưởng Tổ công tác hoặc khi được Tổ trưởng Tổ công tác ủy quyền;

c) Ký thay Tổ trưởng Tổ công tác các văn bản, kết luận do Tổ trưởng Tổ công tác ủy quyền.

3. Thành viên Tổ công tác:

a) Thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Tổ công tác; tham gia đầy đủ các cuộc họp của Tổ công tác khi có thông báo mời họp;

b) Nghiên cứu, đóng góp ý kiến chuyên môn trong rà soát văn bản quy phạm pháp luật, các vấn đề đưa ra thảo luận trong phiên họp Tổ công tác; trong trường hợp vắng mặt thì có trách nhiệm góp ý kiến bằng văn bản hoặc ủy quyền cho người đi họp thay phát biểu ý kiến chính thức của thành viên Tổ công tác;

c) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công; tham gia vào quá trình rà soát độc lập, chuyên sâu và cho ý kiến đối với kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật khi được đề nghị;

d) Đề xuất các hoạt động của Tổ công tác khi cần thiết.

Điều 5. Điều kiện hoạt động của Tổ công tác

Kinh phí hoạt động của Tổ công tác và Tổ giúp việc Tổ công tác do ngân sách nhà nước bảo đảm; được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tư pháp và sử dụng theo quy định hiện hành. Trường hợp kinh phí hoạt động của Tổ công tác chưa được bố trí thì được ngân sách nhà nước cấp bổ

sung theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Các cơ quan có thành phần tham gia Tổ công tác, được đề nghị tham gia Tổ công tác cử lãnh đạo, đại diện lãnh đạo, cán bộ tham gia Tổ công tác, Tổ giúp việc Tổ công tác.
3. Tổ công tác xác định thời điểm hoàn thành nhiệm vụ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép giải thể Tổ công tác.
4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, các thành viên Tổ công tác và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT; các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, PL (2b). PC 110

